

Số: 66 /QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán
tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2399/QĐ-BTC ngày 21/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Công văn số 1100/UBCK-PTTT ngày 09/02/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành bộ Quy chế về chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK TP.HCM;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 23/02/2018 của Hội đồng Quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý Thành viên,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 341/QĐ-SGDHCM ngày 22/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giám đốc phòng Quản lý Thành viên, Giám đốc các phòng ban thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- HĐQT, BKS;
- CTCKTV, TCNY;
- TTLKCKVN, TVLK, NHCĐTT;
- Lưu TV, VT (415). /

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Vũ Quang Trung



**QUY CHẾ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 03 năm 2018
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn về hoạt động giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là SGDCK TP.HCM).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Thành viên giao dịch tại SGDCK TP.HCM** là công ty chứng khoán được SGDCK TP.HCM chấp thuận trở thành Thành viên giao dịch (sau đây viết tắt là Thành viên).
2. **Thiết bị đầu cuối** là các máy tính nhập lệnh thuộc hệ thống nhập lệnh tại Sàn giao dịch SGDCK TP.HCM.
3. **Hệ thống nhập lệnh tại sàn** là hệ thống máy tính tại Sàn giao dịch SGDCK TP.HCM dùng để nhập lệnh của nhà đầu tư vào hệ thống giao dịch.
4. **Giao dịch trực tuyến** là việc Thành viên sử dụng hệ thống giao dịch của mình kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM để thực hiện giao dịch chứng khoán theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán.
5. **Đại diện giao dịch** của Thành viên SGDCK TP.HCM là nhân viên do Thành viên cử và được SGDCK TP.HCM cấp thẻ đại diện giao dịch để thực hiện việc nhập các lệnh của Thành viên vào hệ thống nhập lệnh tại sàn.
6. **Khớp lệnh định kỳ** là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định.
7. **Khớp lệnh liên tục** là phương thức giao dịch được hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch.
8. **Phương thức thỏa thuận** là phương thức giao dịch trong đó các bên tham gia giao dịch thông qua thành viên giao dịch tự thỏa thuận về các điều kiện giao dịch trên hệ thống giao dịch; hoặc các bên tham gia giao dịch tự thỏa thuận, thực hiện giao dịch, sau đó thông qua thành viên để ghi nhận kết quả giao dịch vào hệ thống giao dịch.



9. **Giá tham chiếu** là mức giá do SGDCK TP.HCM xác định và được dùng làm cơ sở để xác định giá cao nhất (giá trần), giá thấp nhất (giá sàn) trong ngày giao dịch.

10. **Giá thực hiện** là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ giao dịch thỏa thuận.

11. **Giá mở cửa** là giá thực hiện tại lần khớp lệnh đầu tiên trong ngày giao dịch.

12. **Giá đóng cửa** là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

13. **Ngày giao dịch không hưởng quyền** là ngày người mua sẽ không được hưởng các quyền do tổ chức niêm yết phát hành dành cho cổ đông hiện hữu.

14. **Giao dịch chứng khoán lô chẵn** (sau đây viết tắt là giao dịch lô chẵn) là giao dịch với khối lượng của lệnh là bội số của khối lượng chứng khoán tối thiểu (hay “đơn vị giao dịch”) nhưng không vượt quá khối lượng tối đa được quy định đối với một lệnh lô chẵn.

15. **Giao dịch chứng khoán lô lớn** (sau đây viết tắt là giao dịch lô lớn) là giao dịch với khối lượng chứng khoán bằng hoặc lớn hơn một khối lượng nhất định được quy định.

16. **Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền có bảo đảm cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

17. **Giá phát hành của chứng quyền có bảo đảm** là mức giá được tổ chức phát hành công bố tại Bản thông báo phát hành quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

18. **Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền có bảo đảm** là ngày giao dịch trước hai (02) ngày so với ngày đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm. Các trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết (không bao gồm chứng quyền đáo hạn), ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền là ngày giao dịch liền trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.

19. **Giá gộp lãi** là giá của trái phiếu tính vào ngày thanh toán và có bao gồm lãi coupon tích gộp.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 3. Quy tắc chung

1. SGDCK TP.HCM tổ chức giao dịch đối với các loại chứng khoán sau đây:
 - a) Cổ phiếu;
 - b) Chứng chỉ quỹ đóng;
 - c) Chứng chỉ quỹ ETF;
 - d) Trái phiếu;

- d) Chứng quyền có bảo đảm (sau đây viết tắt là chứng quyền);
- e) Các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN).

2. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là TTLKCK) cấp mã chứng khoán cho các chứng khoán niêm yết tại SGDCK TP.HCM trên cơ sở thống nhất với bảng phân bổ mã ký tự đầu tiên của SGDCK TP.HCM.

3. Chứng khoán niêm yết tại SGDCK TP.HCM được giao dịch thông qua hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Thông tư 05/2015/TT-BTC ngày 15/01/2015 của Bộ Tài chính;

b) Các trường hợp sửa lỗi sau giao dịch thực hiện qua hệ thống chuyển nhượng của TTLKCK theo các quy định hiện hành.

4. Căn cứ đề nghị của Thành viên, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét và chấp thuận cho Thành viên thực hiện giao dịch trực tuyến hoặc qua hệ thống nhập lệnh tại sàn.

a) Trường hợp Thành viên giao dịch trực tuyến, hoạt động giao dịch của Thành viên phải tuân thủ Quy chế này, Quy định giao dịch trực tuyến do SGDCK TP.HCM ban hành và các quy định liên quan khác.

b) Trường hợp Thành viên sử dụng hệ thống nhập lệnh tại sàn, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét và cấp thiết bị đầu cuối cho Thành viên để nhập lệnh vào Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM. SGDCK TP.HCM có thể thu hồi hoặc yêu cầu ngừng sử dụng đối với thiết bị đầu cuối đã cấp cho Thành viên.

Chỉ đại diện giao dịch của Thành viên mới được truy cập và nhập lệnh vào Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thông qua hệ thống nhập lệnh tại sàn. Hoạt động của đại diện giao dịch phải tuân thủ Quy chế này và các quy định liên quan của SGDCK TP.HCM về đại diện giao dịch.

Thành viên chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của đại diện giao dịch của mình.

Điều 4. Thời gian giao dịch

1. SGDCK TP.HCM tổ chức giao dịch chứng khoán từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động.

2. Thời gian giao dịch cụ thể do SGDCK TP.HCM quyết định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 5. Tạm ngừng giao dịch chứng khoán

1. SGDCK TP.HCM tạm ngừng hoạt động giao dịch chứng khoán trong trường hợp:

- a) Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM gặp sự cố;
- b) Khi có một phần tư (1/4) số Thành viên trở lên gặp sự cố, không thể thực hiện giao dịch trực tuyến;
- c) Khi xảy ra những sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch bình thường của thị trường như thiên tai, hỏa hoạn;

- d) UBCKNN yêu cầu ngừng giao dịch để ổn định thị trường;
- đ) Các trường hợp SGDCK TP.HCM thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

2. SGDCK TP.HCM có thể căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định thời gian tạm ngừng giao dịch.

3. SGDCK TP.HCM thực hiện báo cáo UBCKNN về việc tạm ngừng và thời gian tạm ngừng giao dịch nêu trên trước khi chính thức công bố.

Điều 6. Tổ chức giao dịch

SGDCK TP.HCM tổ chức giao dịch chứng khoán thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức giao dịch khớp lệnh và phương thức giao dịch thỏa thuận, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc xác định giá:
 - a) Trong phương thức khớp lệnh định kỳ:
 - Là mức giá thực hiện đạt được khối lượng giao dịch lớn nhất;
 - Nếu có nhiều mức giá đạt được khối lượng giao dịch lớn nhất thì mức giá trùng hoặc gần với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất sẽ được chọn.
 - b) Trong phương thức khớp lệnh liên tục: Là mức giá của các lệnh giới hạn đối ứng đang nằm chờ trên sổ lệnh.
2. Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền được giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.
3. Trái phiếu được giao dịch theo phương thức thỏa thuận.
4. SGDCK TP.HCM quyết định thay đổi phương thức giao dịch đối với từng loại chứng khoán sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 7. Nguyên tắc khớp lệnh giao dịch

Hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian như sau:

1. Ưu tiên về giá:
 - a) Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước;
 - b) Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.
2. Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Điều 8. Đơn vị giao dịch và đơn vị yết giá

1. Đơn vị giao dịch được quy định như sau:
 - a) Giao dịch lô chẵn phải tuân thủ quy định về đơn vị giao dịch.
 - b) Không quy định đơn vị giao dịch đối với giao dịch lô lớn.
 - c) SGDCK TP.HCM quy định đơn vị giao dịch lô chẵn, khối lượng giao dịch lô lớn sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.
2. Đơn vị yết giá được quy định như sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh:

- Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng:

Mức giá	Đơn vị yết giá
<10.000	10 đồng
10.000 - 49.950	50 đồng
≥ 50.000	100 đồng

- Đối với chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền: Áp dụng đơn vị yết giá 10 đồng cho tất cả các mức giá.

b) Không quy định đơn vị yết giá đối với phương thức giao dịch thỏa thuận.

Điều 9. Cách xác định giá trần, giá sàn

1. Giá trần/sàn trong ngày giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF và chứng quyền được tính toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và làm tròn xuống đối với giá trần, làm tròn lên đối với giá sàn theo đơn vị yết giá. Không giới hạn giá trần, giá sàn trong ngày đối với giao dịch trái phiếu.

2. Giá trần/sàn trong ngày giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá trần)

Giá sàn = Giá tham chiếu – (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá sàn).

3. Giá trần/sàn trong ngày giao dịch đầu tiên và ngày giao dịch thông thường của chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu chứng quyền + (giá trần của cổ phiếu cơ sở – Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở) x 1/Tỷ lệ chuyển đổi

Giá sàn = Giá tham chiếu chứng quyền – (giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở – giá sàn cổ phiếu cơ sở) x 1/Tỷ lệ chuyển đổi

Trường hợp giá sàn của chứng quyền nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ là đơn vị yết giá nhỏ nhất bằng 10 đồng.

4. Trong trường hợp giá trần hoặc giá sàn của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng với giá tham chiếu, giá trần và giá sàn sẽ được thực hiện điều chỉnh như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu – một đơn vị yết giá.

5. Trong trường hợp giá sàn điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều này nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ được điều chỉnh bằng giá tham chiếu.

6. Biên độ dao động giá (bao gồm Biên độ dao động giá trần và Biên độ dao động giá sàn) trong ngày giao dịch tại khoản 2 Điều này do SGDCK TP.HCM quy định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.



7. Biên độ dao động giá quy định tại khoản 6 Điều này không áp dụng đối với một số trường hợp sau:

- a) Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết;
- b) Ngày đầu tiên cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày;
- c) Các trường hợp khác theo quyết định của SGDCK TP.HCM.

8. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo bình ổn thị trường, SGDCK TP.HCM có thể tạm thời điều chỉnh biên độ dao động giá tại khoản 6 Điều này sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 10. Cách xác định giá tham chiếu

1. Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền đang giao dịch là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

2. Trường hợp cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền mới được niêm yết, trong ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu được xác định theo Điều 11 Quy chế này.

3. Trường hợp giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF không được hưởng cổ tức hoặc các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị các quyền kèm theo.

4. SGDCK TP.HCM không thực hiện điều chỉnh giá tham chiếu trong các trường hợp sau:

a) Phát hành thêm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng với giá phát hành lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

b) Phát hành trái phiếu chuyển đổi (kể cả phát hành cho cổ đông hiện hữu), phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán cho nhà đầu tư không phải cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập, trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu.

c) Tổ chức niêm yết thực hiện giảm vốn điều lệ

5. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

6. Trong một số trường hợp cần thiết, SGDCK TP.HCM có thể áp dụng phương thức xác định giá tham chiếu khác sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 11. Xác định giá và biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền, trái phiếu mới niêm yết

1. Việc xác định giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên được quy định như sau:

a) Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, tổ chức niêm yết và tổ chức tư vấn niêm yết (nếu có) phải đưa ra mức giá dự kiến để làm giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

Đối với chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định như sau:

Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá phát hành của chứng quyền x (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày thông báo phát hành chứng quyền) x (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày thông báo phát hành chứng quyền /Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên).

b) Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF trong ngày giao dịch đầu tiên tối thiểu là $\pm 20\%$ so với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

c) Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại Điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

d) Nếu trong ba (03) ngày giao dịch đầu tiên, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết vẫn chưa có giá đóng cửa, tổ chức niêm yết phải xác định lại giá tham chiếu.

đ) SGDCK TP.HCM quyết định thay đổi biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF tại điểm b khoản 1 Điều này sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

2. Không quy định mức giá tham chiếu dự kiến, biên độ dao động giá đối với trái phiếu mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên.

3. Không cho phép giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền trong ngày giao dịch đầu tiên.

Điều 12. Xác định giá và biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch

1. Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là $\pm 20\%$ so với giá tham chiếu trong ngày đầu tiên được giao dịch trở lại.

2. Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sau khi được giao dịch trở lại sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại Điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

3. Nếu trong ba (03) ngày đầu tiên sau khi giao dịch trở lại, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, được giao dịch trở lại vẫn chưa có giá đóng cửa, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét điều chỉnh biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

4. Đối với chứng quyền mua, giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch được xác định như sau:

Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá đóng cửa của chứng quyền vào ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch x (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch) x (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch chứng quyền / Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại).

Điều 13. Xác định giá và biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu

1. Đối với trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được SGDCK TP.HCM xác định sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

2. Giá đóng cửa trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại Điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

3. Nếu trong ba (03) ngày đầu tiên sau ngày giao dịch không hưởng quyền, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng vẫn chưa có giá đóng cửa, SGDCK TP.HCM sẽ xem xét điều chỉnh biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 14. Lệnh giao dịch

1. Lệnh giới hạn (viết tắt là LO):

a) Là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn;

b) Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến lúc kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

2. Lệnh thị trường (viết tắt là MP):

a) Là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường.

b) Nếu sau khi so khớp lệnh theo nguyên tắc tại điểm a khoản này mà khối lượng đặt lệnh của lệnh thị trường vẫn chưa được thực hiện hết thì lệnh thị trường sẽ được xem là lệnh mua tại mức giá bán cao hơn hoặc lệnh bán tại mức giá mua thấp hơn tiếp theo hiện có trên thị trường và tiếp tục so khớp.

c) Nếu khối lượng đặt lệnh của lệnh thị trường vẫn còn sau khi giao dịch theo nguyên tắc tại điểm b khoản này và không thể tiếp tục khớp được nữa thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện cuối cùng trước đó hoặc lệnh giới hạn bán tại mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện cuối cùng trước đó.

Trường hợp giá thực hiện cuối cùng là giá trần đối với lệnh thị trường mua hoặc giá sàn đối với lệnh thị trường bán thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại giá trần hoặc lệnh giới hạn bán tại giá sàn.

d) Lệnh thị trường được nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh liên tục.



đ) Lệnh thị trường sẽ bị hủy bỏ khi không có lệnh giới hạn đối ứng tại thời điểm nhập lệnh vào hệ thống giao dịch.

3. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (viết tắt là ATO):

a) Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá mở cửa.

b) Khối lượng của lệnh ATO bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá đặt lệnh để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi so khớp lệnh định kỳ.

c) Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.

d) Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa sẽ không xác định được giá khớp lệnh nếu chỉ có lệnh ATO trên sổ lệnh.

đ) Lệnh ATO được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa. Sau thời điểm xác định giá mở cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

4. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (viết tắt là ATC):

a) Là lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá đóng cửa.

b) Khối lượng của lệnh ATC bên mua (hoặc bên bán) được cộng vào khối lượng của bên mua (hoặc bên bán) tại mỗi mức giá đặt lệnh để xác định khối lượng giao dịch tại mỗi mức giá trong khi so khớp lệnh định kỳ.

c) Lệnh ATC được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.

d) Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa sẽ không xác định được giá khớp lệnh nếu chỉ có lệnh ATC trên sổ lệnh.

đ) Lệnh ATC được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá đóng cửa. Sau thời điểm xác định giá đóng cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

Điều 15. Nội dung của lệnh giao dịch

1. Lệnh giới hạn nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm các nội dung sau:

a) Lệnh mua, lệnh bán;

b) Mã chứng khoán;

c) Số lượng;

d) Giá;

đ) Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư;

e) Ký hiệu lệnh giao dịch theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa của chứng khoán nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn, nhưng không ghi mức giá mà ghi là ATO.

3. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa của chứng khoán nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn, nhưng không ghi mức giá mà ghi là ATC.

9-1
GIÁ
ỨNG
HÀNH
CH
TP.

4. *Lệnh thị trường* nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn nhưng không ghi mức giá mà ghi là MP.

Điều 16. Ký hiệu lệnh giao dịch

Các ký hiệu lệnh giao dịch đối với lệnh nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm:

Ký hiệu lệnh	Loại khách hàng
P	- Thành viên (là công ty chứng khoán trong nước) tự doanh.
C	- Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại Thành viên.
F	- Nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tại Thành viên, tổ chức lưu ký trong nước hoặc tổ chức lưu ký nước ngoài; - Tổ chức lưu ký nước ngoài tự doanh; - Thành viên (là công ty chứng khoán nước ngoài) tự doanh.
M	- Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại tổ chức lưu ký trong nước hoặc tại tổ chức lưu ký nước ngoài; - Tổ chức lưu ký trong nước tự doanh.

Điều 17. Sửa, hủy lệnh đối với giao dịch khớp lệnh

1. Nghiêm cấm sửa số hiệu tài khoản của lệnh giao dịch trong suốt thời gian giao dịch, ngoại trừ việc sửa lệnh được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp Thành viên sử dụng hệ thống nhập lệnh tại sàn, khi nhập sai lệnh trong thời gian khớp lệnh định kỳ, đại diện giao dịch được phép sửa lệnh giao dịch bằng cách hủy lệnh sai, nhập lại lệnh đúng, nhưng phải xuất trình bản sao lệnh gốc của khách hàng và được SGDCK TP.HCM chấp thuận. Việc sửa lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực khi lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện. Việc sửa lệnh phải tuân thủ quy trình sửa lệnh giao dịch do SGDCK TP.HCM ban hành.

3. Nghiêm cấm hủy lệnh trong thời gian khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (bao gồm cả các lệnh được chuyển từ đợt khớp lệnh liên tục sang), ngoại trừ việc hủy lệnh được quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thành viên được phép hủy lệnh chưa thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện trong thời gian khớp lệnh liên tục khi khách hàng yêu cầu.

5. Thành viên chịu trách nhiệm về việc sửa, hủy lệnh giao dịch của nhà đầu tư theo quy định tại Điều này.

Điều 18. Quảng cáo giao dịch thỏa thuận

1. Trong thời gian giao dịch thỏa thuận, Thành viên được nhập lệnh quảng cáo mua bán chứng khoán theo phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch.

2. Nội dung quảng cáo giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch bao gồm:

a) Mã chứng khoán;



- [illegible]

Điều 19. Thực hiện giao dịch thỏa thuận

1. Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền lô lớn dịch theo phương thức thỏa thuận trong thời gian quy định.
2. Giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, g quyền phải tuân theo quy định về biên độ dao động giá trong ngày và quy về giá trần, giá sàn tại Điều 9.
3. Giao dịch thỏa thuận do Thành viên bên mua và bên bán nhập vào hệ g giao dịch phải tuân thủ quy trình giao dịch thỏa thuận do SGDCK TP.HCM hánh.
4. Giá thực hiện giao dịch thỏa thuận trái phiếu là giá gộp lãi.

Điều 20. Sửa, hủy giao dịch thỏa thuận

1. Giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch không được phép hủy bỏ.
2. Trong trường hợp nhập sai giao dịch thỏa thuận, Thành viên được phép giao dịch thỏa thuận theo quy trình sửa lệnh giao dịch do SGDCK TP.HCM ban hành.

Điều 21. Quy định trong thời gian nghỉ giữa các phiên giao dịch (phiên sáng - phiên chiều)

Trong thời gian nghỉ giữa hai phiên sáng – chiều, Thành viên không được phép:

1. Nhập lệnh, sửa, hủy lệnh của giao dịch khớp lệnh;
2. Quảng cáo giao dịch thỏa thuận, hủy quảng cáo giao dịch thỏa thuận;
3. Thực hiện giao dịch thỏa thuận, hủy giao dịch thỏa thuận.

Điều 22. Xác lập và hủy bỏ giao dịch

1. Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống giao dịch thực hiện khớp lệnh mua và lệnh bán theo phương thức khớp lệnh hoặc ghi nhận giao dịch theo phương thức thỏa thuận, ngoại trừ có quy định khác do SGDCK TP.HCM ban hành.

Thành viên bên mua và bên bán có trách nhiệm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch chứng khoán đã được xác lập.

2. Trong trường hợp giao dịch đã được thiết lập vi phạm quy định giao dịch làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ dịch trên thị trường, SGDCK TP.HCM có thể công nhận hoặc hủy bỏ giao dịch bị báo cáo UBCKNN.

3. Trong trường hợp hệ thống giao dịch gặp sự cố, dẫn đến tạm ngừng giao dịch, SGDCK TP.HCM phải có trách nhiệm báo cáo UBCKNN theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 203/2015/TT-BTC ban hành ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và SGDCK TP.HCM căn cứ tình hình khắc phục sự cố để quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả giao dịch.

Điều 23. Kiểm soát giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

1. Hệ thống giao dịch kiểm soát và công bố khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua theo nguyên tắc:

a) Trong thời gian giao dịch khớp lệnh:

- Khối lượng mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi lệnh mua được thực hiện;

- Khối lượng bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch;

- Lệnh mua hoặc một phần lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài chưa được thực hiện sẽ tự động bị hủy nếu khối lượng còn được phép mua đã hết và lệnh mua được nhập tiếp vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận.

b) Trong thời gian giao dịch thỏa thuận:

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giảm xuống ngay sau khi giao dịch thỏa thuận được thực hiện nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài mua với một nhà đầu tư trong nước bán;

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tăng lên ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài bán với một nhà đầu tư trong nước mua;

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau. Hệ thống cho phép giao dịch thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện kể cả trong trường hợp khối lượng giao dịch thỏa thuận lớn hơn khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Hệ thống giao dịch hiển thị thông tin chào mua của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng theo nguyên tắc như sau:

a) Lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng mua của toàn thị trường tại từng mức giá, từ mức giá có thứ tự ưu tiên cao nhất đến mức giá có thứ tự ưu tiên thấp nhất, cho đến khi bằng khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.

b) Các lệnh mua còn lại của nhà đầu tư nước ngoài không được hiển thị vẫn nằm chờ trên sổ lệnh và sẽ tự động bị hủy khi khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài đã hết.

c) Hệ thống giao dịch cập nhật thông tin chào mua của nhà đầu tư nước ngoài và điều chỉnh việc hiển thị mỗi khi lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được nhập vào hệ thống hoặc bị hủy bỏ.

3. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến giao dịch chứng khoán.

4. TTLKCK tính toán và cung cấp cho SGDCK TP.HCM khối lượng chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua trong mỗi ngày giao dịch theo các quy trình và thỏa thuận làm việc giữa hai cơ quan.

Điều 24. Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và thực hiện giao dịch chứng khoán hoặc ủy quyền giao dịch chứng khoán phải tuân thủ theo Điều 6 và Điều 7 Thông tư 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc chuyển nhượng chứng khoán niêm yết tại SGDCK TP.HCM phải thực hiện qua hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM. Các trường hợp chuyển nhượng thực hiện thông qua TTLKCK phải công bố thông tin trên SGDCK TP.HCM theo các quy định hiện hành.

Điều 25. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trên hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM phải tuân thủ các quy định về giao dịch cổ phiếu tại Điều 8 Thông tư 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Giao dịch ký quỹ chứng khoán, giao dịch tạo lập thị trường và giao dịch trong ngày

1. Nhà đầu tư và công ty chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán phải tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Thông tư 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty chứng khoán, nhà đầu tư thực hiện giao dịch trong ngày phải tuân thủ theo quy định về giao dịch trong ngày và quy định hỗ trợ thanh toán đối với giao dịch trong ngày tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công ty chứng khoán thực hiện giao dịch tạo lập thị trường theo các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định tại Quy chế tạo lập thị trường do SGDCK TP.HCM ban hành.

Điều 27. Giao dịch mua bắt buộc

1. Giao dịch mua bắt buộc được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của SGDCK TP.HCM theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận. Công ty chứng khoán thực hiện giao dịch mua bắt buộc bằng mã nhận diện lệnh (trader ID) riêng biệt sau khi đăng ký với SGDCK TP.HCM. Thời gian giao dịch mua bắt buộc do SGDCK TP.HCM quy định cụ thể sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

2. Trường hợp giao dịch mua bắt buộc theo phương thức giao dịch khớp lệnh, lệnh mua bắt buộc phải là lệnh giới hạn và được đặt với mức giá trần.

Điều 28. Các ký hiệu giao dịch không hưởng quyền

Vào các ngày giao dịch không hưởng quyền, SGDCK TP.HCM sẽ công bố các ký hiệu giao dịch sau đây trên hệ thống giao dịch và trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP.HCM đối với các loại chứng khoán như sau:

Ký hiệu	Diễn giải
XD	Giao dịch không hưởng cổ tức bằng tiền của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF.
XR	Giao dịch không hưởng quyền mua, quyền nhận cổ phiếu thưởng, quyền được chia cổ tức bằng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF.
XA	Trường hợp XD và XR của cùng một cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.
XI	Giao dịch không hưởng lãi trái phiếu.

Điều 29. Giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền

SGDCK TP.HCM thực hiện tính toán và công bố giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền. Đối với chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu và thực hiện theo kiểu Châu Âu, giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, TẠM NGỪNG, HỦY NIÊM YẾT ĐỐI VỚI CÁC CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Điều 30. Cảnh báo đối với chứng khoán niêm yết

Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu cảnh báo “DS” trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP.HCM.

Điều 31. Kiểm soát giao dịch đối với chứng khoán niêm yết

1. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu kiểm soát “C” trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP.HCM.

Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát sẽ bị hạn chế về thời gian giao dịch cho đến khi có thông báo khác của SGDCK TP.HCM. Trong thời gian bị hạn chế giao dịch, chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát chỉ được giao dịch vào phiên chiều của ngày giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

2. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu kiểm soát “UC” trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP.HCM.

Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt chỉ được giao dịch vào phiên chiều của ngày giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK TP.HCM sẽ áp dụng việc hạn chế biên độ dao động giá sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 32. Tạm ngừng giao dịch của chứng khoán niêm yết

1. SGDCK TP.HCM có thể quyết định tạm ngừng giao dịch đối với một loại chứng khoán theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán.
2. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch không quá một (01) ngày giao dịch, ký hiệu tạm ngừng giao dịch trên hệ thống giao dịch và trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP.HCM là “H”.
3. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch từ hai (02) ngày giao dịch trở lên, ký hiệu tạm ngừng giao dịch trên hệ thống giao dịch và trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK TP.HCM là “S”.
4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch sẽ được SGDCK TP.HCM cho phép giao dịch trở lại sau khi đáp ứng quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán.

Điều 33. Hủy niêm yết chứng khoán

1. Trường hợp chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết tự nguyện hoặc chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán, SGDCK TP.HCM sẽ thực hiện hủy niêm yết đối với loại chứng khoán đó trên hệ thống giao dịch.
2. Chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết được thể hiện bằng ký hiệu “D” trên hệ thống giao dịch.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. SGDCK TP.HCM thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các Thành viên giao dịch.
2. SGDCK TP.HCM chịu trách nhiệm xây dựng các Quy chế làm việc và quy trình nghiệp vụ phù hợp với quy định của Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK TP.HCM quyết định sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN và được Hội đồng quản trị SGDCK TP.HCM thông qua.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Vũ Quang Trung